|  |  |
| --- | --- |
| CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH SANA WMT | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
| Số : 07 /2015/BCTN- ASA | *Hà nội, ngày 07 tháng 04 năm 2015* |

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH SANA WMT

Năm báo cáo: 2014

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH SANA WMT

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0500471991

- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đ

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

- Địa chỉ: Xóm Tiếu, xã Đại Yên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

- Số điện thoại: 84 4 3 7731791

- Số fax: 84 4 3 7731783

- Website: http://www.sana.vn

- Mã cổ phiếu : ASA

**2. Quá trình hình thành và phát tri**ển

Việc thành lập: Công ty Cổ phần Liên doanh Sana WMT (tiền thân là chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Sana) được thành lập ngày 23 tháng 11 năm 2007 với vốn điều lệ là 16.000.000.000 đồng. Trong năm 2011, Công ty chính thức tăng vốn điều lệ từ 16 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng.

Niêm yết: Cuối năm 2011, Công ty được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (NHX)chấp thuận niêm yết và chính thức giao dịch tại HNX ngày 12/3/2012.

Ngày 15/04/2013 Công ty đã làm phát hành thêm từ 30 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng và đang trong quá trình tiến hành để niêm yết lên sàn HNX

Ngày 16/05/2013 Công ty đã được Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội chấp thuận niêm yết bổ xung cổ phiếu từ 30 tỷ lên 100 tỷ.

**3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Nghành nghề kinh doanh

Sản xuất buôn bán dầu gội đầu, sữa tắm

Sản xuất nước uống tinh khiết, nước đóng chai.

Sản xuất dầu thực vật.

Buôn bán tư liệu sản xuất tư liệu tiêu dùng ( chủ yếu là hàng kim loại màu)

- Địa bàn kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Liên doanh SaNa WMT hiện tại được hoạt động ở các thành thị, và vùng nông thôn của các tỉnh ở miền bắc và miền nam.

**4**. **Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

**- Mô hình quản trị:**

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

* **Cơ cấu bộ máy quản lý**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÒNG HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ**

**PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**PHÒNG KINH DOANH**

**PHÒNG KỸ THUẬT**

**BAN KIỂM SOÁT**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**- Cơ cấu bộ máy quản lý:**

Hội đồng quản trị:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** |
| 1 | Nguyễn Văn Đông | Chủ tịch – Phó Tổng Giám đốc |
| 2 | Dương Viết Dũng | Thành viên |
| 3 | Trần Minh Chính | Thành viên– Phó Tổng Giám đốc |
| 4 | Nguyễn Đan Thanh | Thành viên |
| 5 | Nguyễn Văn Nam | Thành viên– Tổng Giám đốc |
| 6 | Lê Duy Thiện | Thành viên quản trị độc lập |
| 7 | Lê Thị Kim Huê | Thành viên quản trị độc lập |

Ban Kiểm soát

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ và tên** | **Chức vụ** |
| 1 | Phạm Thị Thanh Vân | Trưởng ban |
| 2 | Phạm Thị Anh Thư | Thành viên |
| 3 | Nguyễn Thị Xuân Thu | Thành viên |

Ban Giám đốc

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ và tên** | **Chức vụ** |
| 1 | Nguyễn Văn Đông | Phó Tổng Giám đốc |
| 2 | Trần Minh Chính | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 | Nguyễn Văn Nam | Tổng Giám đốc. |

**- Các Công ty con, Công ty liên kết:**

+ Công ty cổ phần Hoàng Gia

+ Công ty TNHH SX NTK Tấn Phong

**5. Định hướng phát triển:**

**-** Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại lợi ích kinh tế cho Công ty và cho các cổ đông. Huy động tối đa nội lực và mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, mở rộng thị trường để tạo khả năng sinh lời dài hạn vì lợi ích chính đáng của khách hàng, cổ đông, tăng tích lũy mở rộng quy mô kinh doanh, hiện đại hóa trang thiết bị cải tiến đổi mới kỹ thuật, nâng cao năng suất. Đổi mới tổ chức tạo ra phương thức quản lý mới phù hợp với kinh tế thị trường.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Công ty có chiến lược dài hạn vào 2 dự án :

\* Dự án thăm dò khai thác và chế biến quặng Mangan giữa Công ty CP Liên doanh SANA WMT với Công ty Cổ phần Hoàng Gia

\* Dự án đầu tư nhà xưởng cho thuê và kho tàng bến bãi; nhà máy cán thép & Inox giữa Công ty Cổ phần liên doanh SANA với Công ty TNHH SX NTK Tấn Phong

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Xây dựng hình ảnh Công ty văn minh, lịch sự. Môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện hòa đồng. Tham gia các chương trình ủng hộ từ thiện, giao dục, các chương trình thể thao, ca nhạc.…

**6. Các rủi ro**

## \* Rủi ro về biến động kinh tế

**Tốc độ phát triển kinh tế và các ngành liên quan**

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2014 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu. Các nền kinh tế lớn phát triển theo hướng đẩy nhanh tăng trưởng nhưng có nhiều yếu tố rủi ro trong việc điều chỉnh chính sách tiền tệ. Trong khi đó, nhiều nền kinh tế mới nổi gặp trở ngại từ việc thực hiện chính sách thắt chặt để giảm áp lực tiền tệ. Bên cạnh đó, khu vực đồng EURO bị ảnh hưởng mạnh bởi các biện pháp trừng phạt kinh tế giữa các nước trong khu vực do tình hình chính trị bất ổn tại một số quốc gia, nhất là khu vực châu Âu. Dự báo tăng trưởng năm 2014 và 2015 của hầu hết các nền kinh tế Đông Nam Á cũng được điều chỉnh giảm. Điểm nổi bật trong những tháng cuối năm là giá dầu mỏ trên thị trường thế giới giảm sâu và vẫn đang tiếp tục giảm. Đối với các quốc gia nhập khẩu dầu, giá dầu giảm giúp thúc đẩy tiêu dùng và đầu tư tư nhân cũng như cải thiện cán cân thanh toán. Tuy nhiên, đối với các nước sản xuất dầu, thực trạng thị trường giá dầu mỏ giảm sẽ tác động mạnh đến kinh tế theo chiều hướng thuận lợi và khó khăn đan xen.

Ở trong nước, sản xuất kinh doanh chịu áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị của thị trường thế giới, cùng với những khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để như áp lực về khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao;sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm; năng lực quản lý và cạnh tranh của doanh nghiệp thấp... Trước bối cảnh đó, Chính phủ, Thủ tướng chính phủ ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, quyết định nhằm tiếp tục ổn định vĩ mô, tháo gỡ khó khăn và cải thiện môi trường kinh doanh, tạo đà tăng trưởng, bảo đảm công tác an sinh xã hội cho toàn dân. Trọng tâm là Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014; Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18/3/2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 25/8/2014 của Chính phủ về một số giải pháp về thuế tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh sự phát triển của doanh nghiệp; Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước; Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 13/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách Nhà nước những tháng cuối năm 2014...

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, cùng với sự nỗ lực, quyết tâm của các cấp, các ngành và các địa phương nên kinh tế - xã hội nước ta năm 2014 có nhiều chuyển biến tích cực. Kết quả cụ thể của từng ngành, lĩnh vực như sau:

+ TĂNG TRƯỞNG KINH TỂ

Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2014 ước tính tăng 5,98% so với năm 2013, trong đó quý I tăng 5,06%; quý II tăng 5,34%; quý III tăng 6,07%; quý IV tăng 6,96%. Mức tăng trưởng năm nay cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và mức tăng 5,42% của năm 2013 cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế. Trong mức tăng 5,98% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,49%, cao hơn mức 2,64% của năm 2013, đóng góp 0,61 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,14%, cao hơn nhiều mức tăng 5,43% của năm trước, đóng góp 2,75 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 5,96%, đóng góp 2,62 điểm phần trăm.

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, ngành lâm nghiệp có mức tăng cao nhất với 6,85%, nhưng do chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,05 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành nông nghiệp mặc dù tăng thấp ở mức 2,60% nhưng quy mô trong khu vực lớn nhất (Khoảng 74%) nên đóng góp 0,35 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 6,53%, đóng góp 0,21 điểm phần trăm.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp tăng 7,15% so với năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo có chuyển biến khá tích cực với mức tăng cao là 8,45%, cao hơn nhiều so với mức tăng của một số năm trước (Năm 2012 tăng 5,80%; năm 2013 tăng 7,44%), đóng góp đáng kể vào tốc độ tăng của khu vực II và góp phần quan trọng vào mức tăng trưởng chung. Trong ngành chế biến, chế tạo, các ngành sản xuất đồ uống; dệt; sản xuất trang phục; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; sản xuất giấy; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (Trừ máy móc thiết bị); sản phẩm điện tử máy tính; sản xuất xe có động cơ là những ngành có đóng góp lớn vào tăng trưởng với chỉ số sản xuất tăng khá cao ở mức trên 10%. Ngành khai khoáng tăng 2,40%, có đóng góp của dầu thô và khí đốt tự nhiên. Ngành xây dựng đã có dấu hiệu phục hồi với mức tăng 7,07%, tăng cao so với mức 5,87% của năm 2013, chủ yếu do đóng góp của khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với giá trị sản xuất xây dựng khu vực này tăng mạnh ở mức 58%.

Trong khu vực dịch vụ, đóng góp của một số ngành có tỷ trọng lớn vào mức tăng trưởng chung như sau: Bán buôn và bán lẻ chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt mức tăng 6,62% so với năm 2013, đóng góp 0,91 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 5,88%; hoạt động kinh doanh bất động sản được cải thiện hơn với mức tăng 2,85%, cao hơn mức tăng 2,17% của năm trước với nhiều tín hiệu tốt trong hỗ trợ thị trường bất động sản nói chung và phân khúc nhà chung cư giá trung bình và giá rẻ nói riêng, trong đó giá trị tăng thêm của khấu hao nhà ở dân cư tăng 2,93%.

Cơ cấu nền kinh tế năm nay tiếp tục theo hướng tích cực. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 18,12%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,50%; khu vực dịch vụ chiếm 43,38% (Cơ cấu tương ứng của năm 2013 là: 18,38%; 38,31%; 43,31%).

Xét về góc độ sử dụng GDP năm 2014, tiêu dùng cuối cùng tăng 6,20% so với năm 2013, đóng góp 4,72 điểm phần trăm vào mức tăng chung (Tiêu dùng cuối cùng của dân cư tăng 6,12%, cao hơn mức tăng 5,18% của năm trước); tích lũy tài sản tăng 8,90%, đóng góp 2,90 điểm phần trăm.

**Tỷ giá hối đoái, lãi suất và lạm phát**

**Chính sách tỷ giá hối đoái**

Sau khi tỷ giá USD/VNĐ được điều chỉnh tăng tới 9,3% đầu năm 2011, đến nay NHNN đã duy trì tỷ giá hối đoái khá ổn định và thậm chí là không thay đổi tỷ giá trong suốt cả năm 2012. Và cho đến giữa năm 2013 mới có sự điều chỉnh tỷ giá hối đoái chính thức ở mức 1% đồng thời duy trì biên độ dao động của tỷ giá giao dịch tại các NHTM là +/-1%. Điều này đã góp phần tích cực ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì được sức mua đối ngoại của đồng Việt Nam, trong bối cảnh sức mua đối nội cũng đã được khôi phục.

Ở Việt Nam, chính sách tỷ giá hối đoái gắn rất chặt với chính sách tiền tệ, thậm chí gần như trở thành một bộ phận không thể tách rời của chính sách tiền tệ. Vì có một số đặc trưng như tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam rất lớn (tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2013 lên đến hơn 260 tỷ USD, tương đương 150% GDP), dòng vốn nước ngoài vào Việt Nam rất nhiều kể cả dòng vốn đầu tư trực tiếp lẫn đầu tư gián tiếp, Việt Nam có tình trạng đô la hóa khá mạnh do Việt Nam là một trong số ít nước trên thế giới chấp nhận huy động bằng đô la Mỹ và các ngoại tệ khác cũng như được phép cho vay bằng ngoại tệ. Chính vì vậy, tỷ giá hối đoái ổn định không chỉ hỗ trợ tích cực kiềm chế lạm phát thông qua hạn chế tăng giá hàng hóa nhập khẩu, từ các loại máy móc thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu đến hàng hóa tiêu dùng mà còn góp phần cải thiện cán cân thương mại, thu hút đầu tư nước ngoài và tăng dự trữ ngoại hối.

Năm 2012 và 2013, mặc dù CPI lần lượt tăng 6,81% và 6,04% so với cuối kỳ và tăng bình quân tới 9,21% và 6,6% song giá USD chỉ tăng tương ứng có 0,18% và 1,09% chứng tỏ tỷ giá hối đoái không chỉ ổn định trong chính sách và thể hiện ở tỷ giá hối đoái chính thức giao dịch liên ngân hàng mà  còn ở thực tế trên thị trường tiền tệ.

Cán cân thương mại và tài khoản vốn đều thặng dư lại thêm trên dưới 10 tỷ USD kiều hối hàng năm nên cán cân thanh toán của Việt Nam năm 2012 - 2013 đã được cải thiện mạnh từ mức thâm hụt lớn giai đoạn 2007 - 2009 sang trạng thái thặng dư, thậm chí là thặng dư lớn nên đã tạo ra cơ hội tăng mạnh dự trữ ngoại hối (quy mô dự trữ ngoại hối năm 2013 đã lên tới trên 30 tỷ USD sau khi xuống dưới 10 tỷ USD năm 2009), qua đó tạo cơ sở vững chắc để duy trì ổn định tỷ giá hối đoái, tạo nguồn lực tài chính để sẵn sàng đối phó với khả năng rủi ro từ việc rút vốn, đầu cơ tiền tệ hay những áp lực về phá giá đồng Việt Nam. Rõ ràng, chính sách tỷ giá hối đoái đã và đang bám sát theo nguyên tắc ổn định và linh hoạt, quan trọng hơn là sự ổn định và linh hoạt đó dựa trên những tiền đề và cơ sở tài chính vững chắc. Diễn biến tỷ giá hối đoái những năm 2012 - 2013 đã tạo được niềm tin khá chắc chắn vào sự ổn định của tỷ giá hối đoái nói chung cũng như khả năng điều hành chính sách tỷ giá hối đoái của NHNN nói riêng. Thành công của việc điều hành chính sách tỷ giá hối đoái vừa qua còn thể hiện ở sự gắn bó chặt chẽ với chính sách quản lý ngoại hối, quản lý thị trường vàng, với lộ trình chống đô la hóa, chống vàng hóa trong nền kinh tế.

**chính sách lãi suất**

Giai đoạn 2012 - 2013, thành công nổi bật nhất của chính sách tiền tệ chính là chính sách lãi suất. Bắt đầu từ năm 2011 cho đến nửa đầu năm 2012, chính sách tiền tệ điều hành theo hướng tập trung vào chính sách lãi suất, với việc tăng mạnh lãi suất huy động cũng như cho vay và quay trở lại áp dụng trần lãi suất huy động với mục tiêu làm công cụ để kiềm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Nửa sau của năm 2012, khi lạm phát tính theo năm có dấu hiệu chững lại và đi xuống thì Ngân hàng Nhà nước (NHNN) liên tục điều chỉnh trần lãi suất huy động, lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn theo hướng giảm dần, đồng hành với tốc độ lạm phát những vẫn bảo đảm nguyên tắc lãi suất thực dương. Khi lạm phát cả năm 2013 đứng ở mức tăng 6,04% so với cuối năm 2012 và bình quân năm tăng 6,6% - mức tăng thấp nhất trong vòng một thập kỷ qua - thì càng chứng tỏ hiệu quả kiềm chế lạm phát của chính sách tăng lãi suất đồng thời cho thấy sự hợp lý của việc NHNN đưa trần lãi suất huy động về mức 7% từ cuối tháng 6.2013. Có thể nói đây là mức lãi suất huy động hợp lý, phù hợp với các điều kiện vĩ mô và vi mô. Song song với điều chỉnh lãi suất đối với VNĐ, việc điều chỉnh trần lãi suất huy động bằng USD được thực hiện đồng bộ, gắn với các mục tiêu về chống đô la hóa và quản lý ngoại hối. Thông qua đó, NHNN đã kết hợp hài hòa chính sách lãi suất với chính sách tỷ giá hối đoái và quản lý ngoại hối. Trần lãi suất huy động USD 0,25%/năm đối với tiền gửi của tổ chức và 1,25%/năm đối với tiền gửi của dân cư đã góp phần tích cực hạn chế tình trạng đô la hóa nền kinh tế.

Lãi suất huy động giảm, tính thanh khoản của tổ chức tín dụng được cải thiện là điều kiện tiên quyết để giảm lãi suất cho vay. Mặt bằng lãi suất cho vay giảm 2 - 5%/năm và trở về mức lãi suất của giai đoạn 2005 - 2006 nhưng vẫn bảo đảm mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định thị trường tiền tệ tín dụng. Đến cuối năm 2013, lãi suất cho vay bằng VNĐ phổ biến đối với những lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao) chỉ còn ở mức 7 -9%/năm; lãi suất cho vay lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác ở mức 9 - 10,5%/năm ở khối ngân hàng thương mại (NHTM) Nhà nước; 9,5 - 11,5%/năm ở khối NHTM cổ phần. Thậm chí, những doanh nghiệp có tình hình tài chính lành mạnh, minh bạch, có phương án, dự án sản xuất kinh doanh hiệu quả còn được cho vay với mức lãi suất chỉ 6,5 - 7%/năm. Lãi suất cho vay USD bằng phổ biến ở mức 4 - 7%/năm; trong đó, các NHTM Nhà nước là 4 - 5%/năm đối với ngắn hạn, 6 - 7%/năm đối với trung và dài hạn; các NHTM cổ phần khoảng 5 - 6%/năm đối với ngắn hạn, 6,5 - 7%/năm đối với trung và dài hạn. Rõ ràng, nếu so với mặt bằng lãi suất huy động cuối năm 2013 khoảng 6,5 - 7,5%/năm kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng và khoảng 7,5 - 8,5%/năm kỳ hạn trên 12 tháng thì chênh lệch giữa mặt bằng lãi suất huy động và mặt bằng lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng (TCTD) không còn là quá cao.

Kết quả điều hành chính sách lãi suất có giá trị hơn khi đặt trong bối cảnh NHNN chịu sức ép rất lớn từ quan điểm cho rằng, kinh tế tăng trưởng chậm lại, chỉ đạt 5,25% năm 2012 và 5,42% năm 2013, cũng như khoảng 15 vạn doanh nghiệp giải thể dừng hoạt động từ năm 2011 đến 2013 một phần quan trọng là do lãi suất quá cao. Nhưng kết quả ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát và áp lực buộc các doanh nghiệp khẳng định hiệu quả sản xuất kinh doanh khi chuyển từ tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng quá dễ dàng với lãi suất thấp sang tuân thủ các điều kiện về chất lượng tín dụng, hạn chế nợ xấu với lãi suất cao hơn đã chứng minh tính đúng đắn của chính sách lãi suất từ 2011 đến nay.

Tốc độ lạm phát dự kiến năm 2014 và 2015 đều khoảng 7%, đồng thời với việc đặt mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô và tái cơ cấu kinh tế lên hàng đầu nên định hướng chính sách lãi suất huy động chủ đạo giai đoạn 2014 - 2015 là duy trì như nửa cuối năm 2013, cả lãi suất huy động bằng VNĐ và USD. Mục tiêu tăng tổng phương tiện thanh toán năm 2014 từ 16 - 18%, nghĩa là tương đương năm 2013 nên không cần thiết điều chỉnh lãi suất huy động để thay đổi quy mô tiền gửi tại hệ thống TCTD. Do dư địa giảm lãi suất huy động hầu như không còn nên định hướng tiếp tục giảm lãi suất cho vay chỉ có thể thông qua thu hẹp khoảng cách giữa lãi suất huy động và lãi suất cho vay. Khoảng cách này chỉ có thể thu hẹp nếu xử lý tốt vấn đề nợ xấu, cơ cấu lại hệ thống các TCTD và cơ cấu lại từng TCTD để tiết giảm chi phí kinh doanh, giảm dự phòng rủi ro và tăng hiệu quả hoạt động của từng TCTD cũng như của cả hệ thống.

**Biến động giá chứng khoán**

Việc niêm yết cổ phiếu công ty trên thị trường chứng khoán sẽ đem lại những lợi ích đáng kể như nâng cao uy tín và thương hiệu; tăng cường tính thanh khoản; tạo điều kiện cho việc huy động vốn; hướng đến việc chuẩn mực hóa công tác quản trị, điều hành theo mô hình hiện đại. Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi.

Giá cả chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố như tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, tình hình cung – cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế – xã hội, sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư,… Sự biến động giá cổ phiếu trong từng thời điểm có thể gây ảnh hưởng đến một số khía cạnh của Công ty, tâm lý khách hàng, và tâm lý nhà đầu tư.

Tuy nhiên, riêng đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Liên doanh SaNa WMT, số lượng cổ phần là không lớn và cơ cấu cổ đông được đánh giá khá tốt. Định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới liên tục tăng trưởng cao, có hiệu quả kinh doanh khả quan là yếu tố hỗ trợ giá giao dịch cổ phiếu. Bên cạnh đó, Công ty cũng nhận thức được tầm quan trọng của công tác quan hệ cổ đông nên sẽ tăng cường công tác công bố thông tin theo hướng quản trị minh bạch và chuyên nghiệp để góp phần bình ổn giá thị trường của cổ phiếu niêm yết.

## \* Rủi ro đặc thù ngành

**Rủi ro về giá cả nguyên liệu**

Nguyên liệu sản xuất các loại bột giặt, dầu gội đầu, chất tẩy rửa, hoá chất và dầu ăn đa số được nhập khẩu, số ít trong nước được cung cấp bởi các công ty hóa chất trong nước. Sự biến động của giá cả nguyên liệu đầu vào sẽ gây biến động đến chi phí sản xuất, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, một phần khá lớn các loại nguyên liệu sản xuất của Công ty được chiết xuất từ các sản phẩm của ngành nông, lâm nghiệp (các loại tinh dầu thực vật) nên những biến động của thời tiết như: mưa, bão lụt, hạn hán,… cũng làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Với xu hướng tiêu dùng các sản phẩm có nguồn gốc từ tinh dầu thực vật thay cho các loại hóa chất, ngành công nghiệp hóa mỹ phẩm ngày càng phụ thuộc nhiều vào yếu tố môi trường, vấn đề bảo vệ tài nguyên sinh thái. Các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học cũng gây ra những biến động đến giá cả nguyên liệu sản xuất và ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

**Rủi ro về giấy phép kinh doanh**

Do sản phẩm của Công ty có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người tiêu dùng nên hoạt động của Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý và các quy định về bảo vệ người tiêu dùng của Nhà nước trong từng thời kỳ. Bởi vậy, nếu hoạt động sản xuất của Công ty không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc cũng có thể sẽ bị rút giấy phép kinh doanh trước thời hạn. Rủi ro về việc bị rút giấy phép kinh doanh trước hạn từ phía Công ty về mặt thực tế là không nhiều do năng lực và các quy định về kỹ thuật trong sản xuất của Công ty hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn.

Tình trạng hàng giả, hàng nhái vẫn tiếp diễn trên cả nước, đặc biệt là khu vực nông thôn đã đặt ra những khó khăn và rủi ro cho Công ty trong vấn đề quản lý thị trường. Để giảm thiểu các rủi ro, Công ty thường xuyên đổi mới mẫu mã sản phẩm và bố trí cán bộ kinh doanh chuyên trách theo từng địa bàn cụ thuể để vừa phát triển vừa quản lý thị trường.

**\* Rủi ro về Pháp luật**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty. Hệ thống luật của Việt Nam đã và đang được dần hoàn thiện tuy nhiên, chưa được hoàn chỉnh. Các văn bản dưới luật còn chồng chéo và tính ổn định của văn bản luật chưa cao. Điều này ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, nguyên liệu sản xuất của của Công ty chủ yếu được nhập khẩu nên những thay đổi trong chính sách về nhập khẩu của Nhà nước cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Là Doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật, đặc biệt là trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra, bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

**\* Rủi ro khác**

Là một nhân tố trong tổng thể chung của nền kinh tế - xã hội, hoạt động của Công ty có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, địch hoạ ... .Những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra dù trực tiếp hay gián tiếp sẽ gây ảnh hưởng đến các khách hàng truyền thống cũng như những thị trường tiềm năng, tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty..

**II. Tình hình hoạt động trong năm**

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Năm 2014, trong bối cảnh tình hình kinh tế Việt Nam và thế giới có nhiều biến động bất lợi do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế đã tác động phần nào tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trước các khó khăn, thách thức đó, Công ty cổ phần Liên doanh SANA WMT vẫn cố gắng đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh và đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

Tổng doanh thu cả năm đạt 321 tỷ đồng, đạt 128,4% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 0,827 tỷ đồng, và lợi nhuận sau thuế đạt hơn 0,422 tỷ đồng, hoàn thành 12,2% kế hoạch.

Đơn vị: đồng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **Năm báo cáo** | **Năm trước** |
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 177.221.776.572 | 321.732.287.669 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 12.754.822 | 108.246.040 |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 177.209.021.750 | 321.624.041.629 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 173.944.413.313 | 317.933.270.572 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 3.264.608.437 | 3.690.771.057 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 4.104.912 | 9.949.153 |
| 7 | Chi phí tài chính | 246.595.463 | 237.799.784 |
|  | *Trong đó chi phí lãi vay* | *218.841.393* | *161.098.998* |
| 8 | Chi phí bán hàng | 556.489.191 | 976.647.895 |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 967.205.626 | 1.659.121.712 |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 1.498.423.069 | 827.150.819 |
| 11 | Thu nhập khác | 253.140.363 | 80..212.960 |
| 12 | Chi phí khác | 130.601.154 | 343.390.445 |
| 13 | Lợi nhuận khác | 122.539.209 | (253.177.485) |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 1.620.962.278 | 563.973.334 |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 354.989.830 | 140.993.334 |
| 16 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.265.3972.448 | 422.980.000 |
| 17 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 126 | 53 |

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | CHỈ TIÊU | ĐVT | KẾ HOẠCH | | THỰC HIỆN | TH/KH  ( %) |
| 1 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 100 | | 100 | 100% |
| 2 | Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 420 | | 177 | 42,1% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 10 | | 1,62 | 16.2% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 7,7 | | 1,265 | 16,4% |
| 5 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ | % | 7,7% | | 1,26% |  |
| 6 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu | % | 1,83% | | 0,71% |  |
| 7 | Tỷ lệ cổ tức/Mệnh giá | % | 7,7% | | 1,26% |  |
| 8 | Thu nhập bình quân | Triệu đồng/tháng | 5 | 4.6 | | 0,92% |

* Trong đó, mảng kinh doanh sản phẩm chăm sóc tóc, dưỡng da các loại vẫn duy trì được tỷ trọng cao trong tổng doanh thu, với doanh thu thuần đạt 11,4 tỷ đồng, và lợi nhuận gộp đạt 3,2 tỷ đồng, tương ứng biên lợi nhuận gộp đạt 3,2%.
* Mảng kinh doanh nước tinh khiết năm nay ghi nhận mức duy trì sản phẩm trên thị trường với 1,7 tỷ đồng doanh thu, và lợi nhuận gộp đạt 0,6 tỷ đồng, tương ứng biên lợi nhuận gộp đạt 0.6 %.
* Hoạt động kinh doanh thép:Do đây là hoạt động kinh doanh mới triển khai lại phải đối mặt với tình trạng ảm đạm của thị trường xây dựng và bất động sản,nhưng đã ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể trong năm 2013 mảng kinh doanh này đã đạt 308,3 tỷ đồng doanh thu, và 0,4 tỷ đồng lợi nhuận gộp, tương ứng biên lợi nhuận gộp đạt 0,4%.

2. Tổ chức nhân sự

- Danh sách ban điều hành:

**+** **Chủ tịch Hội đồng Quản trị, kiêm Giám đốc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên | **:** | Nguyễn Văn Đông |
| - Giới tính | **:** | Nam |
| - Ngày tháng năm sinh | **:** | 05/02/1962 |
| - Nơi sinh | **:** | Hà Nam |
| - CMND số | **:** | 012705994 |
| - Ngày cấp | **:** | 15/3/2007 |
| - Nơi cấp | **:** | Hà Nội |
| - Quốc tịch | **:** | Việt Nam |
| - Dân tộc | **:** | Kinh |
| - Quê quán | **:** | Thanh Liêm Hà Nam |
| - Địa chỉ thường trú | **:** | P601 -D7 TT Gia Cầm- Phương Mai- HN |
| - Trình độ văn hóa | **:** | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn | **:** | Cử nhân toán |
| Quá trình công tác |  |  |
| - Từ năm 2000 đến ngày 23/11/2007  - Từ 11/2007 đến 6/2013 | **:**  **:** | Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Sana  Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Liên Doanh Sana WMT |
| - Từ 11/06/2013 | **:** | Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Liên Doanh Sana WMT |
| Số cổ phần nắm giữ | **:** | 640.000 cổ phần |

**+ Thành viên Hội đồng Quản trị**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên | **:** | Dương Viết Dũng |
| - Giới tính | **:** | Nam |
| - Ngày tháng năm sinh | **:** | 10/02/1974 |
| - Nơi sinh | **:** | Hà Tây |
| - CMND số | **:** | 111175741 |
| - Ngày cấp | **:** | 22/4/2008 |
| - Nơi cấp | **:** | Hà Nội |
| - Quốc tịch | **:** | Việt Nam |
| - Dân tộc | **:** | Kinh |
| - Quê quán | **:** | Đại Yên- Chương Mỹ- Hà tây |
| - Địa chỉ thường trú | **:** | Đại Yên- Chương Mỹ- Hà tây |
| - Trình độ văn hóa | **:** | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn | **:** | Cử nhân kinh tế |
| **Quá trình công tác** |  |  |
| - Từ 1995 đến 1998 | **:** | Trưởng phòng Quản lý trung tâm Thương mại Mascova tại Liên bang Nga |
| - Từ 1999 đến 08/4/2011 | **:** | Quản lý trung tâm Thương mại Mascova tại Liên bang Nga |
| - Từ 8/4/2011 đến nay | **:** | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Liên doanh Sana WMT & Quản lý trung tâm Thương mại Mascova tại Liên bang Nga |
| - Chức vụ hiện nay | **:** | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Liên doanh Sana WMT |
| Số cổ phần nắm giữ | **:** | 187.373 cổ phần |

**+ Thành viên Hội đồng Quản trị, kiêm Phó Tổng giám đốc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên | **:** | Trần Minh Chính |
| - Giới tính | : | Nam |
| - Ngày tháng năm sinh | : | 14/10/1963 |
| - Nơi sinh | : | Hà Nam |
| - CMND số | : | 013014503 |
| - Ngày cấp | : | 30/10/2007 |
| - Nơi cấp | : | Hà Nội |
| - Quốc tịch | : | Việt Nam |
| - Dân tộc | : | Kinh |
| - Quê quán | : | Lý Nhân Hà Nam |
| - Địa chỉ thường trú | : | P11-D1 Văn Chương- Hà nội |
| - Số điện thoại ở cơ quan | : | 04 37731791 |
| - Trình độ văn hóa | : | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân kinh tế |
| **Quá trình công tác** |  |  |
| - Từ 1986 – 23/11/2007 | : | Kinh doanh tại Liên bang Nga |
| - Từ 23/11/2007 đến nay | : | Thành viên Hội đồng quản trị, phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Liên doanh Sana WMT |
| - Chức vụ hiện nay | : | Thành viên Hội đồng quản trị, phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Liên doanh Sana WMT |
| Số cổ phần nắm giữ | **:** | 412.277 cổ phần |

**+ Thành viên Hội đồng Quản trị, kiêm Tổng Giám đốc**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **:** | Nguyễn Văn Nam | |
| - Giới tính | **:** | Nam | |
| - Ngày tháng năm sinh | **:** | 09/07/1964 | |
| - Nơi sinh | **:** | Hà Nội | |
| - CMND số | **:** | 011848778 | |
| - Ngày cấp | **:** | 12/10/2005 | |
| - Nơi cấp | **:** | Hà Nội | |
| - Quốc tịch | **:** | Việt Nam | |
| - Dân tộc | **:** | Kinh | |
| - Quê quán | **:** | Chương Mỹ - Hà Tây | |
| - Địa chỉ thường trú | **:** | P808-T8-27 Huỳnh Thúc Kháng | |
| - Trình độ văn hóa | **:** | 10/10 | |
| - Trình độ chuyên môn | **:** | Cử nhân kinh tế & kỹ sư máy hoá | |
| **Quá trình công tác** |  |  |
| - Từ năm 1999 đến 23/11/2007 |  | Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thương mại Sana |
| - Từ 2007 – 6/2013 |  | Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thương mại Sana & Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Liên doanh Sana WMT |
| - Từ 11/06/2013 | **:** | TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Liên doanh Sana WMT |
| - Chức vụ ở tổ chức khác | **:** | Chủ tịch Hội đồng thành viên Cty TNHH TM SANA |
| Số cổ phần nắm giữ | **:** | 560.000 cổ phần |
| - Đại diện sở hữu (đại diện sở hữu cho Công ty TNHH Thương mại Sana) | **:** | 420.000 cổ phần |
| **-** Sở hữu cá nhân | **:** | 140.000 cổ phần |
|  |  |  |

**+ Thành viên Hội đồng Quản trị**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên | **:** | Nguyễn Đan Thanh |
| - Giới tính | **:** | Nam |
| - Ngày tháng năm sinh | **:** | 04/06/1961 |
| - Nơi sinh | **:** | Hải Phòng |
| - CMND số | **:** | 010226550 |
| - Ngày cấp | **:** | 05/09/2009 |
| - Nơi cấp | **:** | CA TP HN |
| - Quốc tịch | **:** | Việt Nam |
| - Dân tộc | **:** | Kinh |
| - Quê quán | **:** | Thủy Nguyên- Hải Phòng |
| - Địa chỉ thường trú | **:** | Nhà 3 Ngõ 35 Khương Hạ Thanh Xuân- Hà nội |
| - Trình độ văn hóa | **:** | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn | **:** | Đại học |
| Quá trình công tác |  |  |
| - Từ năm 1983 - 1988  -Từ năm 1988 -1994  Từ năm 2004 đến nay | **:**  **:** | Giáo viên trường trung cấp kỹ thuật thuộc tổng cục kỹ thuật quốc phòng  Làm phiên dịch đội trưởng nhà máy ô tô zinke  Làm Giám đốc Công ty TNHH Nam Việt |
| - Chức vụ hiện nay tại Công ty CP liên doanh sana wmt | **:** | Thành viên HĐQT Công ty Công ty Liên Doanh Sana WMT |
| Số cổ phần nắm giữ | : | Không cổ phần |

**+ Thành viên Hội đồng Quản trị**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên | : | Lê Duy Thiện |
| - Giới tính | : | Nam |
| - Ngày tháng năm sinh | **:** | 20/08/1963 |
| - Nơi sinh | **:** | HN |
| - CMND số | **:** | 011624863 |
| - Ngày cấp | **:** | 29/03/2007 |
| - Nơi cấp | **:** | CA TP HN |
| - Quốc tịch | **:** | Việt Nam |
| - Dân tộc | **:** | Kinh |
| - Quê quán | **:** |  |
| - Địa chỉ thường trú | **:** | Số 4 TT XD Phương Mai – Đống Đa - HN |
| - Trình độ văn hóa | **:** | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn | **:** | Đại Học công nghệ thực phẩm Moskva |
| **Quá trình công tác** |  |  |
| *- Chức vụ ở tổ chức khác* | **:** | Làm việc tại Cục Sở Hữu Trí Tuệ Việt Nam |
| Số cổ phần nắm giữ | : | không cổ phần |
|  |  |  |

**+ Thành viên Hội đồng Quản trị**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên | : | Lê Thị Kim Huê |
| - Giới tính | : | Nữ |
| - Ngày tháng năm sinh | **:** | 05/01/1974 |
| - Nơi sinh | **:** | Hà Tây |
| - CMND số | **:** | 111559997 |
| - Ngày cấp | **:** | 06/05/1996 |
| - Nơi cấp | **:** | CA TP HN |
| - Quốc tịch | **:** | Việt Nam |
| - Dân tộc | **:** | Kinh |
| - Quê quán | **:** | Hà Đông |
| - Địa chỉ thường trú | **:** | A16 TT 14 Khu Đô Thị Văn Quán Hà Đông Hà nội |
| - Trình độ văn hóa | **:** | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn | **:** | Đại Học Thương Mại |
| **Quá trình công tác** |  |  |
| - Chức vụ ở tổ chức khác | **:** | Làm việc tại Công ty Cổ phần SX Thương Mại Hoàng Đạt |
| Số cổ phần nắm giữ | : | Không cổ phần |

**Trưởng Ban Kiểm soát**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên | : | Phạm Thị Thanh Vân |
| - Giới tính | : | Nữ |
| - Ngày tháng năm sinh | **:** | 29/9/1976 |
| - Nơi sinh | **:** | Nghệ An |
| - CMND số | **:** | 182037986 |
| - Ngày cấp | **:** | 18/2/2005 |
| - Nơi cấp | **:** | Nghệ An |
| - Quốc tịch | **:** | Việt Nam |
| - Dân tộc | **:** | Kinh |
| - Quê quán | **:** | Diễn Tân - Diễn Châu- Nghệ An |
| - Địa chỉ thường trú | **:** | 134 Thành Công P Tân Thành Tân phú TPHCM |
| - Trình độ văn hóa | **:** | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn | **:** | Cử nhân kinh tế& Cử nhân Luật |
| **Quá trình công tác** |  |  |
| - Từ năm 1999 đến 22/11/2007 | **:** | Phó Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Sana |
| - Từ 23/11/2007 đến nay | **:** | Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Liên doanh Sana WMT & Phó Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Sana |
| - Chức vụ hiện nay | **:** | Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Liên doanh Sana WMT |
| - Chức vụ ở tổ chức khác | **:** | Phó Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Sana |
| Số cổ phần nắm giữ | : | 300.000 cổ phần |

**+ Thành viên Ban Kiểm soát**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên | : | Phạm Thị Anh Thư |
| - Giới tính | : | Nữ |
| - Ngày tháng năm sinh | : | 20/5/1970 |
| - Nơi sinh | **:** | Hà nội |
| - CMND số | **:** | 011551212 |
| - Ngày cấp | **:** | 25/7/2002 |
| - Nơi cấp | **:** | Hà Nội |
| - Quốc tịch | **:** | Việt Nam |
| - Dân tộc | **:** | Kinh |
| - Quê quán | **:** | Yên Mô- Ninh Bình |
| - Địa chỉ thường trú | : | 40 C2 TT Trung Tự Hà nội |
| - Trình độ văn hóa | **:** | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn | **:** | Cử nhân tài chính và cử nhân kinh tế |
| **Quá trình công tác** |  |  |
| - Từ 1993 đến 1994  - Từ 1994 đến 1996  - Từ 1997 đến 1998  - Từ 1999 đến 22/11/2007 | **:**  **:**  **:**  **:** | Nhân viên Làm Tại khách Sạn Ngọc Khánh  Nhân viên Làm tại khách sạn Bàn Cờ  Trưởng phòng kế toán tại Công ty TNHH Đông á  Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Thương mại Sana |
| - Từ 23/11/2007 đến nay | **:** | Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Liên doanh Sana WMT & Kế toán trưởng Công ty TNHH Thương mại Sana |
| - Chức vụ hiện nay | **:** | Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Liên doanh Sana WMT |
| - Chức vụ ở tổ chức khác | **:** | Kế toán trưởng Công ty TNHH Thương mại Sana |
| Số cổ phần nắm giữ | : | 10.000 cổ phần |

**+ Thành viên Ban Kiểm soát**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên | : | Nguyễn Thị Xuân Thu |
| - Giới tính | : | Nữ |
| - Ngày tháng năm sinh | **:** | 23/4/1970 |
| - Nơi sinh | **:** | Hà nội |
| - CMND số | **:** | 012718501 |
| - Ngày cấp | **:** | 25/5/2005 |
| - Nơi cấp | **:** | Hà Nội |
| - Quốc tịch | **:** | Việt Nam |
| - Dân tộc | **:** | Kinh |
| - Quê quán | **:** | Nghi Lộc- Nghệ An |
| - Địa chỉ thường trú | **:** | B14 Ngõ 7 Đường Thanh Bình Hà đông- HN |
| - Trình độ văn hóa | **:** | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn | **:** | Cử nhân kinh tế |
| Quá trình công tác |  |  |
| - Từ năm 1999 đến năm 2004 | **:** | Nhân viên Công ty TNHH Thương mại SANA |
| - Từ 2004 đến 22/11/2007 | **:** | Nhân viên Công ty TNHH Liên Doanh Sana WMT |
| - Từ 23/11/2007 đến nay | **:** | Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Liên Doanh Sana WMT |
| - Chức vụ hiện nay | **:** | Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Liên Doanh Sana WMT |
| Số cổ phần nắm giữ | : | 10.000 |

\* Những thay đổi trong ban điều hành:

* Trong năm đã thay đổi Thành viên HĐQT

TV HĐQT cũ: Ông Vũ Đình Hưng

TV HĐQT mới: Ông Nguyễn Đan Thanh

**\* Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty**

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

Tính đến ngày 31/12/2014, số lượng cán bộ nhân viên, công nhân của Công ty là 27 người.

**\* Chính sách đối với người lao động**

* **Chế độ làm việc**

***Thời gian làm việc:*** Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1 giờ. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu cán bộ nhân viên làm thêm giờ và thực hiện các chế độ trợ cấp thêm giờ theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

***Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết:*** Nhân viên được nghỉ lễ và Tết 9 ngày theo quy định của Bộ Luật Lao động. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép.

***Nghỉ ốm, thai sản:*** Nhân viên Công ty khi nghỉ ốm sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động. Trong thời gian nghỉ thai sản (06 tháng) người lao động sẽ được nhận trợ cấp thai sản tương đương 06 tháng tiền lương do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả.

***Điều kiện làm việc:*** Công ty bố trí văn phòng làm việc cho cán bộ nhân viên khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

* **Chính sách đào tạo**

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

***Đối với lao động trực tiếp:*** mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

***Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ:*** Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước...

* **Chính sách lương**

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Tiền lương được thực hiện theo nguyên tắc phân phối lao động và hiệu quả hoạt động của từng bộ phận. Tiền lương được sử dụng như một đòn bẩy để kích thích người lao động tích cực tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

* Lương bình quân công nhân sản xuất tại các phân xưởng: 4.000.000 đồng/ tháng
* Lương bình quân của khối hành chính: 5.200.000 đồng/ tháng
* **Chính sách thưởng**

Nhằm khuyến khích động viên người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, ngoài các quyền lợi được quy định bởi Luật Lao động, cán bộ nhân viên trong Công ty còn được hưởng một số quyền lợi khác như được ưu tiên mua cổ phiếu và trái phiếu của Công ty. Mức độ ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của bản thân người lao động cho Công ty. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

* **Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động**

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

a. Các khoản đầu tư lớn:

Căn cứ theo quyết định của Hội đồng quản trị số 46/2013/NQ-HĐQT ngày 21/08/2013 về việc thay đổi phương án sử dụng vốn, theo đó, phương án thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG ĐẦU TƯ** | **GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ** | **CHI TIẾT ĐẦU TƯ** |
| 1 | Dự án thăm dò khai thác và chế biến quặng Mangan giữa Công ty CP Liên doanh SANA WMT với Công ty Cổ phần Hoàng Gia | 50.000.000.000đ | 1. Mô tả Dự án:  * Tên Dự án: Dự án thăm dò khai thác và chế biến quặng Mangan. * Địa điểm Dự án: Thôn Poi, Xã Minh Quang, Huyện Chiêm Hoá , Tỉnh Tuyên Quang. * Diện tích dự án: 59,370 ha; * Trữ lượng quặng: 500,000 – 700,000 tấn; * Tổng mức đầu tư dự kiến: 150 tỷ đồng; * Chi tiết Dự án: Được mô tả trong thiết kế của Công ty CP Hoàng Gia .  1. Thông tin về việc góp vốn đầu tư:  * Công ty cổ phần Hoàng Gia góp vốn đầu tư bằng giá trị quyền sử dụng đất của khu vực được thăm dò, khai thác và chế biến Mangan. Phần giá trị quyền sử dụng đất của Hoàng Gia được tính bằng một tỷ lệ và số tiền cố định, không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện Dự án với giá trị 100 tỷ đồng, gồm các khoản như sau: * Giá trị và lợi thế thương mại của khu đất; * Chi phí nghiên cứu, lập Dự án đầu tư; chi phí khảo sát, thiết kế; chi phí tư vấn, thẩm định, phê duyệt các thiết kế, phê duyệt phương án thăm dò, khai thác và chế biến; * Các chi phí thực tế cần thiết, hợp lý khác liên quan đến Dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật mà Hoàng Gia đã chi để thực hiện Dự án * Phần vốn góp của Sana WMT vào Dự án dưới hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản với giá trị 50 tỷ đồng.  1. Phân chia lợi nhuận từ Dự án:   Lợi nhuận của Dự án sau khi đã trừ đi thuế thu nhập doanh nghiệp và trích lập các quỹ theo quyết định của hai bên, sẽ được chia thành cổ tức cho hai bên theo tỷ lệ số cổ phần sở hữu trên vốn đầu tư của Dự án. |
| 2 | Dự án đầu tư nhà xưởng cho thuê và kho tàng bến bãi; nhà máy cán thép & Inox giữa Công ty Cổ phần liên doanh SANA vời Công ty TNHH SX NTK Tấn Phong | 20.000.000.000đ | 1. Mô tả Dự án:  * Tên Dự án: Dự án đầu tư nhà xưởng cho thuê và kho tàng bến bãi; nhà máy cán thép & Inox * Địa điểm Dự án: Ấp 1, Xã Phạm Văn Hai , Huyện BÌnh Chánh, TP Hồ Chí Minh. * Diện tích dự án: 1000 m2 * Tổng mức đầu tư dự kiến: 45 tỷ đồng; * Chi tiết Dự án: Được mô tả trong thiết kế của Công ty TNHH SX NTK Tấn Phong .  1. Thông tin về việc góp vốn đầu tư:  * Công ty TNHH SX NTK Tấn Phong góp vốn đầu tư bằng giá trị quyền sử dụng đất của Dự án đầu tư nhà xưởng cho thuê và kho tàng bến bãi; nhà máy cán thép. Phần giá trị quyền sử dụng đất của Tấn Phong được tính bằng một tỷ lệ và số tiền cố định, không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện Dự án với giá trị 25 tỷ đồng, gồm các khoản như sau: * Giá trị và lợi thế thương mại của khu đất; * Chi phí nghiên cứu, lập Dự án đầu tư; chi phí khảo sát, thiết kế; chi phí tư vấn, thẩm định, phê duyệt các thiết kế, phê duyệt phương án đầu tư; * Các chi phí thực tế cần thiết, hợp lý khác liên quan đến Dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật mà Tấn Phong đã chi cho Dự án. * Phần vốn góp của Sana WMT vào Dự án dưới hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản với giá trị 20 tỷ đồng.  1. Phân chia lợi nhuận từ Dự án:   Lợi nhuận của Dự án sau khi đã trừ đi thuế thu nhập doanh nghiệp và trích lập các quỹ theo quyết định của hai bên, sẽ được chia thành cổ tức cho hai bên theo tỷ lệ số cổ phần sở hữu trên vốn đầu tư của Dự án. |

\* Kết quả thu được trong quá trình hợp tác đầu tư tính đến ngày 31/12/2014

Hiện nay hai hạng mục mà ASA đang hợp tác đầu tư vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện thủ tục đầu tư.

Đầu tư mua sắm và xây dựng cơ bản đối với các dự án đang triển khai mà ASA đang hợp tác. Theo dự kiến thì đến Q4 năm 2015 đến Q1 năm 2016 thì các dự án sẽ tạo ra sản phẩm.

b. Các Công ty con công ty liên kết: Không có

**4. Tình hình tài chính**

a. Tình hình tài chính

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm 2013** | **Năm 2014** | **% tăng giảm** |
| \* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:  Tổng giá trị tài sản  Doanh thu thuần  Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh  Lợi nhuận khác  Lợi nhuận trước thuế  Lợi nhuận sau thuế  Tỷ lệ nhuận trả cổ tức  \* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:  Tổng giá trị tài sản  Doanh thu  Thuế và các khoản phải nộp  Lợi nhuận trước thuế  Lợi nhuận sau thuế | 120.324.478.657  321.624.041.629  827.150.819  (263.177.485)  563.973.334  422.980.000 | 130.978.383.110  177.209.021.750  1.498.423.069  122.239.209  1.620.962.278  1.265.972.448 | +8,8 %  - 45 %  +81,15%  +146 %  +187,7%  +199,7% |

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các chỉ tiêu** | **Năm 2013** | **Năm 2014** | **Ghi chú** |
| 1.Chỉ tiêu về khả năng thanh toán  + Hệ số thanh toán ngắn hạn  TSLĐ/ Nợ ngắn hạn  + Hệ số thanh toán nhanh:  TSLĐ- Hàng tồn kho/  Nợ ngắn hạn | 3.991  15.879 | 204,4  214,9 |  |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn  + Hệ số nợ/ Tổng tài sản  + Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu | 1,56  1,87 | 0,21  0,28 |  |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động  + Vòng quay hàng tồn kho:  Giá vốn hàng bán/  Hàng tồn kho bình quân  + Doanh thu thuần/ Tổng tài sản | 6,5  2,09 | 6,6  1,4 |  |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời  + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần  + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu.  + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản  + Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần | 0,32  1,36  0,68  0,42 | 0,71  1,26  0,96  0,91 |  |

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a. Cổ phần:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổng số cổ phần | Cổ phần chuyển nhượng tự do | Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng |
| 10.000.000 | 1.641.423 | 8.358.577 |

b. Cơ cấu cổ đông:

### **Cơ cấu cổ đông của Công ty đến thời điểm ngày 18/3/2014**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Stt*** | ***Cổ phần*** | ***Tỷ lệ thực góp*** | ***Số cổ phần***  ***Sở hữu***  ***(cổ phần)*** | ***Số cổ đông (người/tổ chức)*** | ***Giá trị vốn góp***  ***(đồng)*** |
| **I** | **Trong nước** | **100%** | **10.000.000** | **119** | **100.000.000.000** |
|  | - Cá nhân | 86,0% | 9.580.000 | 118 | 9.580.000.000 |
|  | - Tổ chức | 14,0% | 420.000 | 1 | 4.200.000.000 |
| **II** | **Ngoài nước** | **0%** | **0,00** | **0** | **0,00** |
|  | - Cá nhân | 0% | 0 | 0 | 0 |
|  | - Tổ chức | 0% | 0 | 0 | 0 |
|  | **Tổng cộng** | **100%** | **10.000.000** | **119** | **100.000.000.000** |

(Nguồn: Sổ cổ đông Công ty Cổ phần Liên doanh Sana WMT chốt ngày 18/03/2014)

**Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại thời điểm 18/03/2014**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Cổ đông*** | ***Địa chỉ*** | ***Số CMND***  ***/ĐKKD*** | ***Số lượng CP sở hữu*** | ***Tỷ trọng (%)*** |
| 1 | **Công ty TNHH Thương mại SaNa**  Đại diện:**Nguyễn Văn Nam**  **Nguyễn Văn Nam** | Phòng 808, tầng 8, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội  Phòng 808, tầng 8, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội | 0100912257  011848778 | 420.000  140.000 | 5,6 |
|  | **Nguyễn Văn Đông** | P601, D7, tập thể Gia Cầm, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội | 012705994 | 640.000 | 6,4 |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **1.200.000** | **12** |

*(Nguồn: Sổ cổ đông Công ty Cổ phần Liên doanh Sana WMT chốt ngày 18/03/2014)*

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Tính tới thời điểm 31/12/2014, Công ty không có sự thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2014, trong bối cảnh tình hình kinh tế Việt Nam và thế giới có nhiều biến động bất lợi do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế đã tác động phần nào tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trước các khó khăn, thách thức đó, Ban tổng giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty cổ phần Liên doanh SANA WMT vẫn cố gắng đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh và đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

Tổng doanh thu cả năm đạt 177tỷ đồng, đạt 42,1 % kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 1,62 tỷ đồng, và lợi nhuận sau thuế đạt hơn 1,26 tỷ đồng, hoàn thành 16,3% kế hoạch.

**-** Thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu của năm 2014:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | CHỈ TIÊU | ĐVT | KẾ HOẠCH | | THỰC HIỆN | TH/KH  ( %) |
| 1 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 100 | | 100 | 100% |
| 2 | Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 420 | | 177 | 42,1% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 10 | | 1,62 | 16,2% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 7,7 | | 1,26 | 16,3% |
| 5 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ | % | 7,7% | | 1,26 % |  |
| 6 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu | % | 1.83% | | 0,71 % |  |
| 7 | Tỷ lệ cổ tức/Mệnh giá | % | 7,7% | | 1,26% |  |
| 8 | Thu nhập bình quân | Triệu đồng/tháng | 5 | 4,6 | | 92% |

- Trong đó, mảng kinh doanh sản phẩm chăm sóc tóc, dưỡng da các loại vẫn duy trì được tỷ trọng cao trong tổng doanh thu, với doanh thu thuần đạt 11,9 tỷ đồng, và lợi nhuận gộp đạt 3,3 tỷ đồng, tương ứng biên lợi nhuận gộp đạt 27,7%.

- Mảng kinh doanh nước tinh khiết năm nay ghi nhận mức duy trì sản phẩm trên thị trường với 3,6 tỷ đồng doanh thu, và lợi nhuận gộp đạt 1,1 tỷ đồng, tương ứng biên lợi nhuận gộp đạt 30,5 %.

- Hoạt động kinh doanh thép: Do đây là hoạt động kinh doanh mới triển khai lại phải đối mặt với tình trạng ảm đạm của thị trường xây dựng và bất động sản,nhưng đã ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể trong năm 2014 mảng kinh doanh này đã đạt 162,5 tỷ đồng doanh thu, và 0,3 tỷ đồng lợi nhuận gộp, tương ứng biên lợi nhuận gộp đạt 0.18 %.

\* Mặc dù không đạt được chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận sau thuế dự kiến là 7,7 tỷ đồng nhưng đây là thành quả rất đáng được ghi nhận trong bối cảnh năm 2014 nền kinh tế trong nước và thế giới suy thoái ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của các doanh nghiệp.

**2. Tình hình tài chính**

a. Tình hình tài sản:

Tại thời điểm 31/12/2014, tổng tài sản của Công ty là 130 tỷ đồng, tăng 108% so với năm 2013, nguyên nhân do: tăng lượng hàng tồn kho cuối năm.

b. Tình hình nợ phải trả

- Hiện tại, do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được tài trợ từ chính nguồn vốn chủ sở hữu, nên tổng các khoản nợ và vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty là không đáng kể, xấp xỉ khoảng hơn 2,7 tỷ đồng, và tổng các khoản vay nợ này trong năm 2014 đã tăng so với thời điểm cuối năm 2013, tăng 59% chủ yếu là do vay để mua sắm tài sản cố định.

- Chênh lệch tỷ giá: không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, rà soát lại hoạt động toàn Công ty, và đề cao đóng góp cá nhân trong thành tích tập thể, phát huy tinh thần ham học hỏi, không ngừng hoàn thiện ở mỗi cá nhân cũng như toàn Công ty để hướng tới chất lượng sản phẩm ngày một nâng cao.

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Ban Tổng Giám đốc nhận thấy trên cơ sở chiến lược dài hạn hợp lý và giải pháp từng thời kỳ linh hoạt, nhưng mục tiêu trong giai đoạn 3-5 năm tới là tập trung mở rộng thị trường tiêu thụ tại các đô thị, vùng nông thôn trong nước, đồng thời thâm nhập và phát triển dần sang thị trường Cuba.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**: Không có

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm 2014, tuy có nhiều khó khăn về mọi mặt nhưng với tinh thần đoàn kết nhất trí cao Hội đồng quản trị Công ty đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó, đã thực hiện nghiêm và đầy đủ các quy định về quyền hạn và trách nhiệm của mình. Đã chỉ đạo, giám sát phối hợp cùng với Ban tổng giám đốc, các phòng ban trong đơn vị trong công ty khắc phục khó khăn triển khai thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014. Hội đồng quản trị cũng đã cùng Tổng giám đốc Công ty xem xét đề ra những chủ trương đầu tư chiến lược lâu dài nhằm đưa Công ty ngày càng phát triển bền vững.

Đồng thời, Công ty cũng tiến hành hoạt động cơ cấu tổ chức Công ty và chuẩn hóa Công ty theo Điều lệ Công ty niêm yết và các qui định của pháp luật, như:

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy chế, quy định, quy trình làm việc của HĐQT, các bộ phận giúp việc cho HĐQT, Ban điều hành và chức năng nhiệm vụ các phòng ban chuyên môn theo mô hình hiện đại và phù hợp với chuẩn của công ty niêm yết;

Chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành hoàn thiện hệ thống quản trị công ty, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ, nhân sự các phòng ban của Công ty để hoạt động hiệu quả hơn. Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ trong Công ty, xây dựng bộ máy kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ chuyên trách để kiểm soát, quản trị rủi ro trong quá trình hoạt động, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý các sai phạm kịp thời. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, môi trường lành mạnh nhằm phát huy tiềm năng và năng lực của đội ngũ nhân sự, tạo điều kiện để các thành viên cống hiến và đóng góp công sức xây dựng Công ty ngày càng phát triển;

Chủ động công bố các thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty theo qui định công bố thông tin của công ty niêm yết và trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cổ đông, nhà đầu tư thường xuyên nắm được tình hình hoạt động của công ty;

1. **Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT**

Trong năm 2014, HĐQT đã bám sát các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao trên cơ sở kết hợp phân tích tình hình thực tiễn, diễn biến của thị trường để đề xuất Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh kế hoạch hoạt động của Công ty cho phù hợp;

HĐQT đã phân công, phân nhiệm cụ thể đến từng thành viên, tổ chức một số bộ phận giúp việc cho HĐQT nằm trong văn phòng HĐQT, duy trì cơ chế họp định kỳ, đồng thời phát huy cơ chế thường trực HĐQT để giải quyết các công việc phát sinh kịp thời;

Chỉ đạo, giám sát thường xuyên và hỗ trợ kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành công ty để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao. Bên cạnh việc xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, HĐQT đã giành nhiều thời gian để cùng Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo các hoạt động kinh doanh, tiến độ các dự án, cùng xem xét và tháo gỡ các khó khăn vướng mắc khi thực hiện dự án bất động sản, các hoạt động kinh doanh khác của Công ty mẹ và các công ty thành viên trong Công ty;

HĐQT tăng cường kiểm soát các hoạt động của các Công ty thành viên để ngăn ngừa rủi ro, bảo đảm an toàn nguồn vốn kinh doanh và điều chỉnh các hoạt động của các công ty thành viên đúng định hướng phát triển của Công ty;

Đánh giá một cách khách quan, trong năm 2014, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, các thành viên đã nỗ lực, trách nhiệm cao trong chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động kinh doanh của Công ty, hành động vì lợi ích của cổ đông, Công ty và người lao động.

1. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**

HĐQT đã chỉ đạo, giám sát thường xuyên và hỗ trợ kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành công ty để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao. Bên cạnh việc xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, HĐQT đã giành nhiều thời gian để cùng Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo các hoạt động kinh doanh, tiến độ các dự án, cùng xem xét và tháo gỡ các khó khăn vướng mắc khi thực hiện dự án bất động sản, các hoạt động kinh doanh khác của Công ty mẹ và các công ty thành viên trong Công ty.

**4. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị**

**\* Định hướng hoạt động chung**

Năm 2014, tình hình kinh tế vĩ mô tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là áp lực từ sức mua yếu. Tuy nhiên với định hướng mở rộng kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng, thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của các xí nghiệp sản xuất, khâu marketing và bán hàng.

Tăng cường công tác quản trị điều hành, quản trị rủi ro, giám sát hoạt động của Công ty đúng theo định hướng phát triển, hoàn thiện cơ chế chính sách về tiền lương, thu nhập, đãi ngộ người lao động để thu hút được nhiều nhân tài và giữ chân được nhân sự giỏi cùng đồng thuận xây dựng Công ty ngày càng phát triển;

Tăng cường quan hệ với các cổ đông, nhà đầu tư để cổ đông và nhà đầu tư thường xuyên nắm được tình hình hoạt động của Công ty thông qua các hình thức tiếp xúc trực tiếp, gián tiếp, công bố thông tin...

**\* Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh .**

*Các chỉ tiêu về kinh tế tài chính năm 2014*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CHỈ TIÊU** | **ĐVT** | **GIÁ TRỊ** | **GHI CHÚ** |
| 1 | Vốn điều lệ đầu năm | Tỷ đồng | 100 |  |
|  | Vốn điều lệ cuối năm | Tỷ đồng | 100 |  |
| 2 | Doanh thu | Tỷ đồng | 177 |  |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 1,62 |  |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 1,26 |  |
| 5 | Tỷ suất LNST/ Vốn điều lệ. | % | 1,26% |  |
| 6 | Tỷ suất LNST/ Doanh thu | % | 0,71% |  |
| 7 | Tỷ lệ chia cổ tức | % | 0,85% |  |

***\* Các chỉ tiêu về lao động và thu nhập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CHỈ TIÊU** | **ĐVT** | **GIÁ TRỊ** | **GHI CHÚ** |
| 1 | Thu nhập bình quân | Trđ/ng/th | 4,6 |  |
| 2 | Năng xuất lao động bình quân | Trđ/ng/th | 546 |  |

**\* Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015**

* Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là tập chung chỉ đạo giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015. Đồng thời hỗ trợ và phối hợp cùng đồng chí Tổng giám đốc Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề phục vụ cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.
* Tiếp tục chỉ đạo triển khai và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư đã được HĐQT quyết định chủ trương , nhằm sớm đưa công trình vào sử dụng.
* Tiếp tục cùng Ban Tổng giám đốc Công ty nghiên cứu bổ sung để ngày càng hoàn thiện chiến lược phát triển lâu dài Công ty phù hợp với tình hình mới.
* Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm cùng với Ban tổng giám đốc công ty phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, gắn bó và hỗ trợ của các cổ đông, các nhà đầu tư, các đối tác, bạn hàng trong và ngoài nước.

**V. Quản trị công ty**

**1. Hội đồng quản trị**

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày sinh | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Nguyễn Văn Đông | Chủ tịch  Giám đốc | 05/2/1962 | 640.000 | 6,4% |
| 2 | Dương Viết Dũng | Thành viên | 10/02/1974 | 187.373 | 1,87% |
| 3 | Trần Minh Chính | Thành viên - phó Tổng Giám đốc | 14/10/1963 | 412.277 | 4,12% |
| 4 | Nguyễn Đan Thanh | Thành viên | 04/06/1961 | 0 | 0% |
| 5 | Nguyễn Văn Nam | Thành viên- Tổng Giám đốc | 09/07/1964 | 560.000 | 5,6% |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

Ban Giám đốc

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Ngày sinh | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Nguyễn Văn Nam | Tổng Giám đốc | 09/7/1964 | 560.000 | 5,6% |
| 2 | Trần Minh Chính | Phó Tổng Giám đốc | 14/10/1963 | 412.277 | 4,12% |
| 3 | Nguyễn Văn Đông | Phó Tổng Giám đốc | 05/02/1962 | 640.000 | 6,4% |

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị ( Không có)

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Định kỳ hàng quý, Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp để nghe báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động của Công ty đồng thời trên cơ sở các đề xuất, kiến nghị của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị thảo luận và ra các quyết sách phù hợp, định hướng cho sự phát triển bền vững của Công ty.

* Trong năm đã thay đổi Thành viên HĐQT

TV HĐQT cũ: Ông Vũ Đình Hưng

TV HĐQT mới: Ông Nguyễn Đan Thanh

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Không có

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f.- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

+ Ông: Trần Minh Chính

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm

+ Ông: Trần Minh Chính

**2. Ban Kiểm soát**

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Ngày sinh** | **Số cổ phần nắm giữ** | **Tỷ lệ (%)** |
| 1 | Phạm Thị Thanh Vân | Trưởng ban | 29/9/1976 | 15.727 | 0,15% |
| 2 | Phạm Thị Anh Thư | Thành viên | 20/5/1970 | 10.000 | 0,1% |
| 3 | Nguyễn Thị Xuân Thu | Thành viên | 23/4/1970 | 10.000 | 0,1% |

b. Hoạt động của ban kiểm soát:

Năm 2014 là năm Công ty CP Liên doanh SANA WMT tiến hành sản xuất kinh doanh trên cơ sở có nhiều thuận lợi và cũng không ít những khó khăn nhưng Công ty đã hoàn thành xuất sắc những mục tiêu đã được đề ra.

Ngoài các hoạt động thường xuyên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát Công ty đã tiến hành một số công việc chính như sau:

- Chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban nghiệp vụ chuyên môn trong việc xây dựng các quy chế của Công ty nhằm làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Năm 2014, Ban kiểm soát Công ty được kiện toàn và sắp xếp nhân sự phù hợp với chức năng nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Hiện nay Ban kiểm soát gồm có 02 thành viên và 01 Trưởng Ban.

- Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, Ban kiểm soát Công ty đã lập kế hoạch kiểm tra giám sát tại Công ty, qua đợt kiểm tra Ban kiểm soát cũng mời cán bộ các Ban chuyên môn cùng tham dự.

- Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý và năm, đảm bảo tính đúng đắn minh bạch trong báo cáo, phân tích đánh giá tình hình tài chính, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi nhuận lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Đơn vị: đồng

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | | **Chức vụ** | **Lương** | **Thưởng** | **Các khoản lợi ích** |
| 1 | Nguyễn Văn Đông | | Chủ tịch – phó Tổng Giám đốc | 112.984.615 |  | 24.000.000 |
| 2 | Dương Viết Dũng | | Thành viên |  |  | 12.000.000 |
| 3 | Trần Minh Chính | | Thành viên– phó Tổng Giám đốc |  |  | 18.000.000 |
| 4 | Nguyễn Đan Thanh | | Thành viên |  |  | 12.000.000 |
| 5 | Nguyễn Văn Nam | | Thành viên–  Tổng Giám đốc |  |  | 12.000.000 |
| 6 | Lê Thị Kim Huê | | Thành viên |  |  | 12.000.000 |
| 7 | Lê Duy Thiên | | Thành Viên |  |  | 12.000.000 |
| 8 | | Phạm Thị Thanh Vân | Trưởng ban kiểm soát |  |  | 6.000.000 |
| 9 | | Phạm Thị Anh Thư | Thành viên BKS |  |  | 3.600.000 |
| 10 | | Nguyễn Thị Xuân Thu | Thành viên BKS | 99.052.564 |  | 3.600.000 |
| 11 | | Bùi Thị Kim Nhạn | Kế toán trưởng | 117.147.802 |  |  |

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d. Việc thực hiện các quy định của phát luật về quản trị Công ty( Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị Công ty. Nguyên nhân giải pháp và kế hoạch khắc phục/ kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty

Trong năm 2014, HĐQT đã bám sát các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao trên cơ sở kết hợp phân tích tình hình thực tiễn, diễn biến của thị trường để đề xuất Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh kế hoạch hoạt động của Công ty cho phù hợp;

HĐQT đã phân công, phân nhiệm cụ thể đến từng thành viên, tổ chức một số bộ phận giúp việc cho HĐQT nằm trong văn phòng HĐQT, duy trì cơ chế họp định kỳ, đồng thời phát huy cơ chế thường trực HĐQT để giải quyết các công việc phát sinh kịp thời;

Chỉ đạo, giám sát thường xuyên và hỗ trợ kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành công ty để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao. Bên cạnh việc xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, HĐQT đã giành nhiều thời gian để cùng Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo các hoạt động kinh doanh, tiến độ các dự án, cùng xem xét và tháo gỡ các khó khăn vướng mắc khi thực hiện dự án bất động sản, các hoạt động kinh doanh khác của Công ty mẹ và các công ty thành viên trong Công ty;

HĐQT tăng cường kiểm soát các hoạt động của các Công ty thành viên để ngăn ngừa rủi ro, bảo đảm an toàn nguồn vốn kinh doanh và điều chỉnh các hoạt động của các công ty thành viên đúng định hướng phát triển của Công ty;

Đánh giá một cách khách quan, trong năm 2014, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, các thành viên đã nỗ lực, trách nhiệm cao trong chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động kinh doanh của Công ty, hành động vì lợi ích của cổ đông, Công ty và người lao động.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán : Xem báo cáo tài chính kiểm toán gửi kèm

2.Báo cáo tài chính được kiểm toán ( Xem báo cáo tài chính kiểm toán gửi kèm)

**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH SANA WMT**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**NGUYỄN VĂN ĐÔNG**